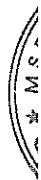


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM BOLTTECH VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Bolttech Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Quang Nương	Chủ tịch
Ông Ngô Thanh Nam	Thành viên
Ông Tạ Chiến	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Tạ Chiến	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Tạ Chiến - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Tạ Chiến

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2023

Số: 032504/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Bolttech Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Bolttech Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 4 đến trang 15, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2023

A blue ink signature of the auditor.

Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.081.243.929	3.919.905.927
II. Các khoản phải thu	130		872.647.314	3.691.456.684
1. Phải thu của khách hàng	131		4.009.582	2.694.674.164
2. Phải thu khác	134	V.2	868.637.732	996.782.520
III. Tài sản khác	180		357.711.124	895.329.062
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		4.728.178	3.359.733
2. Tài sản khác	182	V.3	352.982.946	891.969.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		4.311.602.367	8.506.691.673

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nợ phải trả	300		1.454.681.848	3.294.970.464
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.4	69.635.052	25.223.457
2. Phải trả người lao động	314		229.897.497	190.164.709
3. Phải trả khác	315	V.5	1.155.149.299	1.954.582.298
4. Vay và nợ thuê tài chính	316		-	1.125.000.000
II. Vốn chủ sở hữu	400	V.6	2.856.920.519	5.211.721.209
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.396.312	5.396.312
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(5.148.475.793)	(2.793.675.103)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		4.311.602.367	8.506.691.673


 Nguyễn Thị Phương
 Người lập biểu


 Dương Thị Như Mỹ
 Phụ trách kế toán




 Tạ Chiến
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.966.555.896	5.841.924.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.802.329
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.966.555.896	5.837.122.654
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.473.658.576	2.294.688.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.492.897.320	3.542.433.664
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	109.024.417	1.480.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.859.375	68.203.123
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.859.375	68.203.123
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.5	6.956.114.854	3.954.595.440
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.360.052.492)	(478.884.332)
10. Thu nhập khác	31		27.251.802	26.410.153
11. Chi phí khác	32		22.000.000	452
12. Lợi nhuận khác	40		5.251.802	26.409.701
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.354.800.690)	(452.474.631)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.354.800.690)	(452.474.631)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(2.944)	(566)
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(2.944)	(566)


Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu


Dương Thị Như Mỹ
Phụ trách kế toán

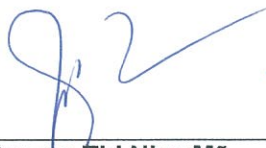

Tạ Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(2.354.800.690)	(452.474.631)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(109.024.417)	(1.480.567)
Chi phí lãi vay	06	5.859.375	68.203.123
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	(2.457.965.732)	(385.752.075)
Tăng/(Giảm) các khoản phải thu	09	2.699.345.522	(2.029.259.549)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(716.657.061)	1.945.262.497
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	538.986.383	(625.334.838)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.859.375)	(68.203.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.849.737	(1.163.287.088)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.202.500.000)	(800.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.322.500.000	584.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.488.265	1.480.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	228.488.265	(214.519.433)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	4.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.125.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.125.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.125.000.000)	5.125.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(838.661.998)	3.747.193.479
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.919.905.927	172.712.448
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.081.243.929	3.919.905.927


Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu


Dương Thị Như Mỹ
Phụ trách kế toán




Tạ Chiên
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Môi giới Bảo hiểm Bolttech Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Môi giới bảo hiểm Ginnet Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 77/GP/KDBH ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Bộ tài chính cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy phép kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai số 77/GPDC2/KDBH ngày 27 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Phòng 3A, tầng 11, Tòa nhà HAREC, số 04A Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới bảo hiểm

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 05 người (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 05 người)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lỗ lũy kế là 5.148.475.793 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 2.793.675.103 đồng), khả năng trả nợ của Công ty phụ thuộc vào việc triển khai kế hoạch kinh doanh và nguồn tài trợ của chủ sở hữu. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ nhận được sự hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 26 tháng 08 năm 2016 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 133/2016/TT-BTC ("Thông tư 133") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thông tư có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2017. Thông tư 133 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính. Công ty đã áp dụng Thông tư 133 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí dịch vụ khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	105.444.129	30.214.900
Tiền gửi ngân hàng	2.975.799.800	3.889.691.027
Cộng	3.081.243.929	3.919.905.927

2. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	13.319.060	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	174.782.520	196.782.520
Phải thu lãi cho vay	536.152	-
Phải thu về cho vay	680.000.000	800.000.000
Công ty CP Giải pháp số Bolttech Việt Nam (*)	680.000.000	-
Bà Ngô Thị Vân Lê	-	300.000.000
Bà Bùi Thị Thúy	-	250.000.000
Bà Dương Thị Như Mỹ	-	250.000.000
Cộng	868.637.732	996.782.520
Phải thu khác là bên liên quan	693.319.060	-

(Chi tiết được trình bày tại thuyết minh VII.1)

- (*) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 012022/HĐV/Bolttech ngày 02 tháng 01 năm 2022 với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay tối đa là 4 tỷ đồng/năm. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 02 tháng 01 năm 2022 đến ngày 02 tháng 01 năm 2023. Lãi suất 7,5%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

3. TÀI SẢN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.397.962	26.452.514
Chi phí sửa chữa tài sản	343.299.984	697.999.992
Chi phí trả trước khác	4.285.000	167.516.823
Cộng	352.982.946	891.969.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	386.218.857	386.218.857	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.635.052	203.387.617	158.976.022	25.223.457
Thuế nhà thầu	-	435.804.534	435.804.534	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	69.635.052	1.027.411.008	982.999.413	25.223.457

5. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	79.166	-
Chi phí phải trả:	1.155.070.133	1.954.582.298
- Phí phần mềm quản trị	1.112.066.448	-
- Phí môi giới bảo hiểm	-	1.911.145.473
- Chi phí phải trả khác	43.003.685	43.436.825
Cộng	1.155.149.299	1.954.582.298

6. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000	5.396.312	(2.341.200.472)	1.664.195.840
Tăng vốn trong năm	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Lỗ trong năm	-	-	(452.474.631)	(452.474.631)
Số dư đầu năm nay	8.000.000.000	5.396.312	(2.793.675.103)	5.211.721.209
Lỗ trong năm	-	-	(2.354.800.690)	(2.354.800.690)
Số dư cuối năm nay	8.000.000.000	5.396.312	(5.148.475.793)	2.856.920.519

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Số Bolttech Việt Nam	98%	7.840.000.000	98%	7.840.000.000
Ông Ngô Thanh Nam	1%	80.000.000	1%	80.000.000
Ông Tạ Chiến	1%	80.000.000	1%	80.000.000
Cộng	100%	8.000.000.000	100%	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	800.000	800.000
- Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	800.000	800.000
- Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần		

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.966.555.896	5.841.924.983
Doanh thu hoa hồng môi giới bảo hiểm	6.966.555.896	5.841.924.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.802.329
Giảm giá hàng bán	-	4.802.329
Cộng	6.966.555.896	5.837.122.654

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động môi giới bảo hiểm	2.473.658.576	2.294.688.990
Cộng	2.473.658.576	2.294.688.990

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.024.417	1.480.567
Cộng	109.024.417	1.480.567

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	5.859.375	68.203.123
Cộng	5.859.375	68.203.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.407.176.790	2.055.423.720
Chi phí dụng cụ phân bổ	1.137.520.095	1.078.659.614
Thuế, phí và lệ phí	292.317.516	75.185.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.174.720.447	649.620.201
Chi phí khác bằng tiền	944.380.006	95.706.901
Cộng	6.956.114.854	3.954.595.440

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(2.354.800.690)	(452.474.631)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	22.000.000	66.723.008
- Chi phí không hợp lý khi tính thuế	22.000.000	66.723.008
Thu nhập tính thuế	(2.332.800.690)	(385.751.623)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

7. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.354.800.690)	(452.474.631)
- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính	(2.354.800.690)	(452.474.631)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.354.800.690)	(452.474.631)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	800.000	800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.944)	(566)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.944)	(566)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam
 Ông Đinh Quang Nương
 Ông Ngô Thanh Nam
 Ông Tạ Chiến

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Chủ tịch
 Thành viên HĐQT
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cho vay	3.202.500.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	3.202.500.000	-
Thu về cho vay	2.522.500.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	2.522.500.000	-
Thu lãi cho vay	102.704.688	-
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	102.704.688	-
Đi vay	-	1.125.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	-	1.125.000.000
Trả gốc vay	1.125.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	1.125.000.000	-
Chi trả lãi vay	5.859.375	68.203.123
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	5.859.375	68.203.123

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác	693.319.060	-
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	680.000.000	-
Ông Tạ Chiến	13.319.060	-
Vay	-	1.125.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp số Bolttech Việt Nam	-	1.125.000.000

Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	892.971.647	615.592.329
Cộng	892.971.647	615.592.329

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Phương
Người lập biểu

Dương Thị Như Mỹ
Phụ trách kế toán

Tạ Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2023

